

Bản án số: 29/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 26/7/2017  
Về việc “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thanh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông Lê Văn Đặng.

2- Ông Bùi Minh Cảnh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lu Quốc Thịnh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang:***  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 89/2017/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2017 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐXX-ST, ngày 26 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2017/QĐST- DS, ngày 13 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Chị Trần Thị Út N, sinh năm 1966 (có mặt).

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Thái T, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 2 B, xã Nam Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Út N trình bày và yêu cầu như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thái T cưới nhau năm 1983, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi vợ chồng về chung sống thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Cụ thể từ năm 2015 anh T thường xuyên kiếm chuyện đánh

đập chị rất là thô bạo, sự việc được chính quyền địa can ngăn, nhưng anh T vẫn không từ bỏ mà ngày càng thô bạo hơn hơn. Từ đó, chị đã thật sự ly thân cho đến nay.

Về con chung: Có 04 người con là Nguyễn Thái Hồng C, sinh năm 1983, Nguyễn Thái K, sinh năm 1987, Nguyễn Thái M, sinh năm 1992 và Nguyễn Thái B, sinh năm 1990, các con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại Tòa chị Nga yêu cầu Tòa giải quyết:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thái T Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị Út N vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trên. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Thái T vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Nguyễn Thái T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Thái T.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Mặc dù chị Trần Thị Út N và anh Nguyễn Thái T cưới nhau về chung sống vào năm 1983, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 quy định: Trong trường hợp vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Sau khi chị N và anh T về chung sống thì mâu thuẫn thường xảy ra, nguyên nhân là do anh T kiếm chuyện hành hung, đánh đập chị, sự việc cũng được chính quyền địa phương lập biên bản giải quyết. Thể hiện như tại các biên bản lập ngày 27/7/2015, ngày 16/12/2015 và ngày 10/3/2016 do chị N cung cấp.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu chị N là có cơ sở chấp nhận. Xử cho chị Trần Thị Út N và anh Nguyễn Thái T ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị N và anh T có 04 người con là Nguyễn Thái Hồng C, sinh năm 1983, Nguyễn Thái K, sinh năm 1987, Nguyễn Thái M, sinh năm 1992 và Nguyễn Thái B, sinh năm 1990. Hiện nay các con chị đều trưởng thành và chị không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 chị Trần Thị Út N phải chịu tiền án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0004119, ngày 10/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên. Vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về việc áp dụng luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Út N và anh Nguyễn Thái T được ly hôn.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành và chị N không có yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Út N thừa nhận không có nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Út N phải chịu tiền án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0004119, ngày 10/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên. Vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị N có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/7/2017). Đối với anh T vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Nam Yên.
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thanh Tâm**

